TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 79/HNGĐ – ST
Ngày: 14/9/2023
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Xuân Đạm
2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Như Mai Trang – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76A/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thúy P, sinh năm: 1995 (có mặt)
HKTT: Tổ 3, ấp T1, xã T2, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Bùi Minh T, sinh năm: 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 7, ấp 3, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thúy P trình bày: Bà P và ông Bùi Minh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh. Vợ chồng sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên sống ly thân từ năm 2020. Trước đây bà P đã làm đơn ly hôn, sau đó rút đơn khởi kiện. Nay bà P tiếp tục làm đơn xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con tên Bùi Trần Minh T3, sinh ngày 05/10/2019. Khi ly hôn bà P nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Bị đơn ông Bùi Minh T: Ông T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ông T có HKTT ở ấp 3, xã L, huyện Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Tòa án tiến hành tống đạt các thủ tục, tuy nhiên ông T không đến Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thúy P.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thúy P được ly hôn với ông Bùi Minh T.

Về con chung: Giao bà P nuôi con tên Bùi Trần Minh T3, sinh ngày 05/10/2019. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không giải quyết.

Về án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thúy P có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Bùi Minh T nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Bùi Minh T vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thúy P và ông Bùi Minh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh, vì vậy hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt. Tòa án tiến hành tống đạt các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại tòa, không thực hiện quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của bà P và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy bà P và ông T chung sống năm 2019, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, theo bà P do bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian chung sống giữa bà P và ông T rất ngắn đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm được. Bà P xác định không còn tình cảm với ông T nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông T đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà P được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con tên Bùi Trần Minh T3, sinh ngày 05/10/2019. Khi ly hôn bà P có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Xét thấy bà P nuôi con từ thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay. Ngoài ra, cháu T3 còn nhỏ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định cần giao bà P nuôi con, bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà P phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy P được ly hôn với ông Bùi Minh T.

2. Về con chung: Giao bà P nuôi con tên Bùi Trần Minh T3, sinh ngày 05/10/2019, bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà P chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010522 ngày 09 tháng 6 năm 2023.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã L*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*